

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỒNG KHÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 1, ngày 18 tháng 8 năm 2023

PHÂN CÔNG CHỦ NHIỆM 2023–2024

TATC 6/1 Lan	TATC 6/2 T Nhung	TATC 6/3 Nguyên	TATC 6/4 Thành	BTr 6/5 Thủy	BTr 6/6 Nguyệt	BTr 6/7 Lê Anh Khôi trường	2B 6/8 M Trí	2B 6/9 Huyền
TATC 7/1 Oanh Khôi trường	TATC 7/2 N Giang	BTr 7/3 Nga A	BTr 7/4 Như	BTr 7/5 Phẩm	2B 7/6 Linh			
TATC 8/1 Vy	TATC 8/2 L Anh	BTr 8/3 Tâm	BTr 8/4 Diệu Khôi trường	2B 8/5 Danh	2B 8/6 Lê Hùng			
TATC 9/1 Quỳnh T Khôi trường	TATC 9/2 Dung	TATC 9/3 Nga v	BTr 9/4 Hằng	BTr 9/5 Hương	BTr 9/6 Liên	BTr 9/7 Quỳnh v	2B 9/8 Phước	2B 9/9 Hải

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN

TT	Họ và tên	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Tổng tiết dạy + Tăng tiết Kiêm nhiệm
1	Trần Thị Trung Hậu	Văn	3 lớp 6/4.6/6. 6/8	1 lớp 7/1			16 + 6 NT V6
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Văn		2 lớp 7/3.7/5		1 lớp 9/4	13 + 6 CN 9/4
3	Vũ Thị Thoa	Văn		3 lớp 7/2.7/4. 7/6	1 lớp 8/4		16 + 7 NT V7
4	Nguyễn Thị Quỳnh	Văn			2 lớp 8/1.8/3	2 lớp 8/7.8/9	18 + 7 CN 9/7

5	Trần Ngọc Trí	Văn	2 lớp 6/1.6/9			2 lớp 9/1.9/6	18 + 6 NT V9
6	Vũ Thị Thủy Nga	Văn			1 lớp 8/6	2 lớp 9/3.9/5	14 + 5 CN 9/3 TTCM
7	Nguyễn Thị Phương Trúc	Văn					Nghỉ bệnh
8	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Văn	4 lớp 6/2.6/3. 6/5.6/7				16 + 6
9	Lê Thị Lan Anh	Văn HDTN 8/2			2 lớp 8/2.8/5	2 lớp 9/2.9/8	18 + 6 CN 8/2 TPCM NT V8
10	Nguyễn Thanh Hải	Sử-Địa Sử			2 lớp 8/4.8/6	K9	15 NT Sử TTCM CN 9/9
11	Đoàn Thị Ngân	Sử-Địa		4 lớp 7/1.7/2. 7/4.7/6	2 lớp 8/2.8/5		18 CTCD
12	Nguyễn Thị Thủy	Sử-Địa HDTN 6/5	5 lớp 6/1.6/3. 6/5.6/7. 6/9	1 lớp 7/3			18 CN 6/5 NT Sử-Địa
13	Phan Nguyễn Lan Hương	Địa Sử-Địa	2 lớp 6/2.6/8			5 lớp 9/1.9/3, 9/5.9/7, 9/9	16 CN 9/5 NT Địa
14	Trương Thị Thanh Tâm	Địa Sử -Địa HDTN 8/3		1 lớp 7/5	2 lớp 8/1.8/3	4 lớp 9/2.9/4, 9/6.9/8	17 CN 8/3
15	Phạm Phú Hoàng Kiệt <i>Thỉnh giảng</i>	Sử- Địa	2 lớp 6/4.6/6				6
16	Nguyễn Thị Thu Hiền	Cd Gddp		K7 4 lớp 7 7/1.3.5.6		K9	19 NT GDCD TP CM
17	Nguyễn Ngọc Hoàng Mi	Cd	K6		K8		17

		Gddp		2 lớp 7/2.4			
18	Phan Lê Ngọc Dung	Anh			1 lớp 8/3	2 lớp 9/1.9/2	17 + 2 CN 9/2 NT TATC TTCM
19	Ngô Trần Ninh Giang	Anh HDTN 7/2		1 lớp 7/2	2 lớp 8/2.8/5		19 + 2 CN 7/2
20	Lê Ngọc Huyền	Anh HDTN 6/9	3 lớp 6/2. 6/4.6/9				19 + 2 CN 6/9
21	Nguyễn Ngọc Linh	Anh HDTN 7/6	3 lớp 6/1. 6/6. 6/7	1 lớp 7/6			17 + 6 CN 7/6
22	Hoàng Thị Nguyệt Nga	Anh HDTN 7/3		3 lớp 7/1.7/3. 7/4	1 lớp 8/4		17 + 6 CN 7/3
23	Nguyễn Thanh Xuân	Anh	3 lớp 6/3.6/5. 6/8	1 lớp 7/5			17 + 6
24	Võ Hoàng Mỹ Vy	Anh HDTN 8/1			2 lớp 8/1.8/6	1 lớp 9/3	18 + 2 CN 8/1 NT TAPT
25	Huỳnh Thị Ngọc Anh <i>Thịnh giảng</i>	Anh				3 lớp 9/4. 9/6. 9/8	6 + 9
26	Phạm Thị Phong Trinh <i>Thịnh giảng</i>	Anh				3 lớp 9/5. 9/7. 9/9	6 + 9
27	Đỗ Trọng Hiếu	Toán	2 lớp 6/1.6/5	1 lớp 7/2			12 + 2 NT T6
28	Lã Văn Hùng	Toán HDTN 8/6			1 lớp 8/6	2 lớp 9/3. 9/5	12 + 7 CN 8/6 NT T8
29	Phạm Thị Mỹ Liên	Toán			1 lớp 8/5	2 lớp 9/6. 9/9	12 + 8 CN 9/6

30	Trần Thị Mai	Toán	1 lớp 6/7	2 lớp 7/1, 7/3			12 + 4
31	Trịnh Thị Nguyệt	Toán HDTN 6/6	2 lớp 6/4, 6/6	1 lớp 7/4			12 + 4 CN 6/6
32	Ninh Nhân Phẩm	Toán HDTN 7/5		1 lớp 7/5	2 lớp 8/2, 8/3		12 + 4 CN 7/5 NT T7
33	Nguyễn Diệu Phước	Toán				3 lớp 9/2, 9/4, 9/8	12 + 8 CN 9/8 TTCM
34	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Toán			1 lớp 8/4	2 lớp 9/1, 9/7	12 + 7 CN9/1 TPCM NT 9
35	Nguyễn Ngọc Thanh Vi	Toán	2 lớp 6/2, 6/9				8 + 2
36	Nguyễn Minh Trí	Toán HDTN 6/8	2 lớp 6/3, 6/8	1 lớp 7/6			12 + 4 CN 6/8
37	Ng Dặng Trung Hiếu	Tin				7 lớp 9/1, 9/3, 9/4, 9/5, 9/6, 9/7, 9/9	14 NT Tin
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Tin Gddp	3 lớp 6/3, 6/5, 6/7	K7	K8		15
39	Vương Minh Thành	Tin HDTN 6/4	K6			2 lớp 9/2, 9/8	13 CN 6/4
40	Nguyễn Thanh Bạch	KHTN Lý	2 lớp 6/4, 6/8		2 lớp 8/3, 8/6	2 lớp 9/2, 9/3	20
41	Vũ Thị Kim Oanh	KHTN Lý		1 lớp 7/1		7 lớp	18 NT Lý NT KHTN

		HDTN 7/1				9/1.9/4. 9/5. 9/6.9/7. 9/8.9/9	CN 7/1
42	Trần Vũ Phương	Lý					Stem
43	Phạm Hồng Danh	KHTN Hóa HDTN 8/5			2 lớp 8/1.8/5	4 lớp 9/2.9/4. 9/6.9/8	16 CN 8/5
44	Trương T Phương Loan	KHTN Hóa	2 lớp 6/5.6/6			5 lớp 9/1.9/3. 9/5.9/7. 9/9	18 NT Hóa
45	Lã Ngô Ngọc Anh	KHTN Sinh HDTN 6/7	2 lớp 6/3.6/7			4 lớp 9/2.9/4. 9/6.9/8	16 CN 6/7
46	Nguyễn T Hương Lan	KHTN Sinh HDTN 6/1	1 lớp 6/1			5 lớp 9/1.9/3. 9/5.9/7. 9/9	14 CN 6/1 TPCM NT Sinh
47	Huỳnh Thị Huỳnh Như	KHTN HDTN 7/4	2 lớp 6/2.6/9	3 lớp 7/2.7/4. 7/5			20 CN 7/4
48	Phạm Thị Huyền Diệu	KHTN HDTN 8/4		2 lớp 7/3.7/6	2 lớp 8/2.8/4		16 + CN 8/4
49	Hoàng Tuấn Hùng <i>Thỉnh giảng</i>	CN				K9	9
50	Nguyễn Thị Hồng Ngân	CN GDDP	2 lớp 6/4. 6/9	K7			8 TPT
51	Trần Thảo Nguyên	CN HDTN 6/3	K6		K8		15 CN 6/3 + NT C Nghệ
52	Nguyễn Thị Xuân Nữ	Nhạc	K6		K8		17



		GDDP	2 lớp 6/6. 6/8				
53	Phạm Thế Tài . .	Nhạc		K7		K9	15 NT Nhạc
54	Từ Thoại Nhung	Họa HDTN 6/2	K6		3 lớp 8/1.8/3. 8/5		12 CN 6/2 TTCM NT Họa
55	Đinh Thị Cẩm Nhung	Họa GDDP		K7	3 lớp 8/2.8/4. 8/6 K8		15 NT GDDP
56	Đào Mạnh Nghĩa	TD	4 lớp 6/2.6/4. 6/6.6/8	3 lớp 7/1.7/3. 7/5			14 TPCM NT Thể dục
57	Huỳnh Châu Thanh Tân	TD	5 lớp 6/1.6/3. 6/5.6/7. 6/9	3 lớp 7/2.7/4. 7/6			16
58	Huỳnh Thanh Tùng	TD			3 lớp 8/2.8/4. 8/6	4 lớp 9/2.9/4. 9/6.9/8	14
59	Vũ Văn Trung	TD			3 lớp 8/1.8/3. 8/5	5 lớp 9/1.9/3. 9/5.9/7. 9/9	16
60	Hoàng Mỹ Thu Giang	Toán			1 lớp 8/1		4
61	Nguyễn Xuân Thọ	Văn Hdtrng			Bdhsq	Bdhsq	4
62	Hồ Thị Ngọc Sương	Gddp	2 lớp 6/1. 6/2				2



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thị Ngọc Sương